

Số: 369/QĐ- PGDDT

Chí Linh, ngày 26 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh sách chi trả phụ cấp ưu đãi
cho giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật năm học 2024 - 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ CHÍ LINH

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;

Căn cứ Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Chí Linh;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 334/HD-LN ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo- Sở Tài chính về việc hướng dẫn việc chi trả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hoà nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các Trung tâm GDNN-GDTX;

Theo Tờ trình số 143/TTr-THHĐ ngày 16/5/2025 của trường Tiểu học Hưng Đạo về việc đề nghị phê duyệt Danh sách chi trả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật năm học 2024 - 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách chi trả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật năm học 2024 – 2025 đối với trường Tiểu học Hưng Đạo gồm 11 người (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Trường Tiểu học Hưng Đạo thực hiện việc chi trả kinh phí đến từng cá nhân và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành, chịu trách nhiệm về tính chính xác của đối tượng hưởng phụ cấp và kinh phí chi trả.

Điều 3. Hiệu trưởng trường Tiểu học Hưng Đạo, thủ trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Lương Quang Phương

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP ƯU ĐÃI
DẠY NGƯỜI KHUYẾT TẬT THEO PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC HÒA NHẬP
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG ĐẠO NĂM HỌC: 2024- 2025**

(Kèm theo Quyết định số 369/QĐ-PGDĐT ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Chí Linh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên giáo viên	Trình độ chuyên môn	Lương hiện hưởng				Dạy môn	Lớp (có HSKT)	Tổng số tiết dạy trong năm học tại lớp có HSKT	Tiền lương 1 giờ dạy	Số tiền PCUD dạy HSKT được hưởng (Nhập đúng định dạng)	Ghi chú
			HS Lương	Hệ số PCTNVK	HS PCCV	Tổng số						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=cột 10*cột 11*0,2	13
1	Nguyễn Thị Đào	CĐSP TH	4,89	0,2	0,2934	5,3834	Văn hóa	1A	670	126.010	16.885.363	
2	Vũ Thị Thanh Tâm	ĐHSP TH	4,4	0,15	0	4,55	Văn hóa	1B	1002	106.591	21.360.897	
3	Phạm Thị Nguyệt	ĐHSP TH	4,0	0	0	4,0	Văn hóa	1C	718	88.709	12.738.569	
4	Trần Thị Oanh	ĐHSP TH	2,34	0	0	2,34	Văn hóa	2A	255	54.939	2.801.896	
5	Phạm Thị Thu	ĐHSP TH	2,34	0,2	0	2,54	Văn hóa	2B	988	59.537	11.764.503	
6	Phạm Minh Hải	ĐHSP MT	4,0	0	0	4,0	Mỹ thuật	1A, 1B, 1C, 2A, 2B	367	92.583	6.795.563	
7	Nguyễn Thị Hồng	ĐH GDTC	3,33	0	0	3,33	Thể dục	1A, 1C, 2A, 2B	230	78.183	3.596.400	
8	Lê Thị Thu Hiền	ĐHSP ÂN	2,67	0	0	2,67	Âm nhạc	1A, 1B, 1C, 2A, 2B	148	62.687	1.855.534	
9	Bùi Thị Hoa	ĐHSP TA	3,33	0	0	3,33	Tiếng Anh	1A, 1B, 1C, 2A, 2B	366	74.954	5.486.658	
10	Nguyễn Thị Thanh Tâm	ĐHQGLGD	4,98	0,3	0,4482	5,7282	Văn hóa	1A, 1B	61	134.196	1.637.190	
11	Nguyễn Thị Kim Huế	ĐHSP TH	4,74	0,25	0	4,99	Văn hóa	2A, 2B	228	114.261	5.210.296	
	TỔNG SỐ								5033		90.132.869	

Số tiền bằng chữ: Chín mươi một trăm ba mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng./.